TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH HÓA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:63/2020/DS-ST
Ngày: 27/11/2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*** :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Xuân.

2. Bà Châu Thị Khắp.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1958.
Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An.
(Có mặt).

2. Bị đơn: Hợp tác xã nông nghiệp T2.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An.
Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Văn T3, sinh năm 1962.
Chức vụ: Giám đốc Hợp tác xã.
(Ông T3 có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Võ Thu M, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là ông Đoàn Văn T1 trình bày:

Vào tháng 3/2019 ông Đoàn Văn T1 có bán lúa nếp cho Hợp tác xã nông nghiệp T2, bà Võ Thu M là con ruột của ông Võ Văn T2 - Giám đốc Hợp tác xã là người trực tiếp thu mua lúa nếp với số lượng 11.934 kg với giá 5.800 đồng/01kg thành tiền là 67.217.200 đồng. Sau khi trừ tiền vật tư nông nghiệp và gạo ông T1 đã nhận trước của Hợp tác xã thì ngày 09/6/2019 Hợp tác xã có làm Thông báo công nợ và cam kết thanh toán cho ông số tiền là 43.723.200 đồng. Sau đó ông có nhận của Hợp tác xã một số vật tư nông nghiệp nên ông xác định số tiền còn nợ là 37.474.100 đồng, làm tròn thành 37.474.000 đồng.

Ông T1 đã nhiều lần yêu cầu Hợp tác xã và bà M thanh toán tiền mua lúa nếp nhưng chưa thanh toán tiền cho ông T1. Do đó, ông T1 khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp T2 và bà Võ Thu M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền là 37.474.000 đồng.

Bị đơn là Hợp tác xã nông nghiệp T2 do ông Võ Văn T3 đại diện hợp pháp trình bày:

Hợp tác xã nông nghiệp T2 có mua lúa của ông T1, bà Võ Thu M là người trực tiếp thu mua. Hợp tác xã có làm thông báo công nợ và cam kết thanh toán và qua đối chiếu sổ sách thì Hợp tác xã thì còn nợ ông T1 số tiền là 37.474.000 đồng như ông T1 yêu cầu. Do đó, Hợp tác xã nông nghiệp T2 đồng ý liên đới với bà Võ Thu M trả cho ông T1 số tiền là 37.474.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thu M vắng mặt không lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai của bà M được, chỉ tiến hành ghi nhận ý kiến và hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn.

Tại phiên tòa:

Ông Đoàn Văn T1 giữ nguyên ý kiến, yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp T2 và bà Võ Thu M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T1 số tiền mua lúa nếp còn nợ là 37.474.000 đồng, trả hết một lần, không yêu cầu tính tiền lãi.

Ông Võ Văn T3 đồng ý với yêu cầu của ông Đoàn Văn T1. Hợp tác xã nông nghiệp T2 đồng ý liên đới với bà Võ Thu M trả cho ông T1 số tiền là 37.474.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về dân sự, bị đơn là Hợp tác xã nông nghiệp T2, địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn và nội dung giấy "Thông báo công nợ và cam kết thanh toán" đề ngày 09/6/2019 có đóng dấu của Hợp tác xã nông nghiệp T2 là chứng cứ nguyên đơn nộp thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập giao kết hợp đồng dân sự về mua bán tài sản là lúa nếp.

Ông T1 đã nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ nhưng Hợp tác xã nông nghiệp T2 và bà Võ Thu M không thanh toán nên quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 bị xâm phạm, vì vậy ông T1 khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Ông T2 thừa nhận Hợp tác xã Nông nghiệp T2 do bà Võ Thu M là con gái của ông T2 là người trực tiếp thu mua lúa nếp của ông T1 và xác định đồng ý Hợp tác xã và bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền còn nợ là 37.474.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M vắng mặt không có lý do, nên Tòa án giải quyết vụ án theo tài liệu, chứng cứ, lời khai của nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T1 đã nhiều lần yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp T2 và bà Võ Thu M thanh toán nợ nhưng vẫn không thực hiện, do đó lỗi hoàn toàn thuộc về Hợp tác xã và bà M.

Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 280, 288, 410, 430, 433, 434, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ, buộc Hợp tác xã nông nghiệp T2 và bà Võ Thu M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Văn T1 số tiền là 37.474.000 đồng.

[4] Về việc xét xử vắng mặt: Bà Võ Thu M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà M đều vắng mặt mà không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên ông Đoàn Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đoàn Văn T1 là người cao tuổi nên đã được Tòa án miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 147, 266, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, 273; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 410, 430, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Hợp tác xã nông nghiệp T2 và bà Võ Thu M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đoàn Văn T1 số tiền 37.474.000 (ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Hợp tác xã nông nghiệp T2 và bà Võ Thu M có nghĩa vụ liên đới chịu 1.874.000 (Một triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đoàn Văn T1, ông Võ Văn T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Bà Võ Thu M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thái